

BÀN THÊM VỀ THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN NGHÈO ĐÓI Ở NGƯỜI KHMER TỈNH AN GIANG

TS. Trần Thị Hồng Yến

Viện Dân tộc học

Email: tranchucyen@yahoo.com

Tóm tắt: Đến nay, mặc dù Nhà nước và chính quyền địa phương đã có nhiều chủ trương, chính sách để nâng cao đời sống của người Khmer (Kơ-me) ở Tây Nam Bộ, song tỷ lệ nghèo đói ở tộc người này vẫn cao. Đã có nhiều nghiên cứu lý giải về nguyên nhân của tình trạng đó, phần lớn thường cho rằng do người Khmer trình độ dân trí còn thấp, không năng động và không có ý chí, nỗ lực vươn lên. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa ở tỉnh An Giang, bài viết này chỉ ra rằng trong hoàn cảnh thiếu đất sản xuất, điều kiện canh tác nông nghiệp khó khăn, người Khmer khá năng động trong việc mở rộng các hoạt động mưu sinh, cùng với đó các dự án phát triển kinh tế cho đồng bào được chính quyền địa phương triển khai, tuy nhiên một số chính sách đầu tư của Nhà nước chưa thực sự phù hợp và hiệu quả chưa cao, trở thành một trong các nguyên nhân của việc tỷ lệ hộ người Khmer thoát nghèo còn thấp. Bởi vậy, bài viết này cho rằng để người Khmer nhanh thoát nghèo, các chương trình, dự án của Nhà nước đầu tư cho họ cần có hiệu quả hơn.

Từ khóa: Đói nghèo, người Khmer, An Giang.

Abstract: Although the State and local authorities have had many guidelines and policies to improve the living standards of the Khmer in the Southwest region, the poverty rate in this ethnic group is still high. There have been many studies clarifying the causes, and most gave the explanation that the Khmer people have a low intellectual level, are not active, and do not have the will and effort to rise. Based on the results of fieldwork in An Giang province, this article shows that despite the lack of productive land and difficult agricultural cultivation conditions, the Khmer are active in expanding their livelihood activities. Along with that, economic development projects have been implemented by local authorities, but a number of the State's investment policies are not appropriate and effective, becoming one of the main causes of the low rate of Khmer households escaping poverty. Therefore, this article argues that for the Khmer people to quickly escape poverty, the State's programs and projects need to be more effective.

Keywords: Poverty, Khmer people, An Giang.

Ngày nhận bài: 27/3/2022; ngày gửi phản biện: 26/10/2022; ngày duyệt đăng: 19/11/2022.

Mở đầu

Người Khmer sinh sống chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), hay còn gọi là vùng Tây Nam Bộ, với khoảng 1,3 triệu người, tập trung tại các tỉnh: Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ. Dân số của người Khmer chiếm khoảng 10% dân số của 9 tỉnh trên và 6,9% dân số của toàn khu vực ĐBSCL (Nguyễn Thị Ánh và Nguyễn Thị Nghĩa, 2014, tr. 84). Trong cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam chống quân Khmer đỏ xâm lược, dân tộc Khmer chịu nhiều tổn thất, vì vậy việc chăm lo, nâng cao đời sống cho đồng bào Khmer luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm. Chỉ thị Số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư (Khóa VI) *Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer* và Chỉ thị Số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư *Về tăng cường công tác vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới* đều nhằm mục đích tăng cường nguồn lực, chăm lo phát triển toàn diện về mọi mặt, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào Khmer, nhất là vùng biên giới Việt Nam - Campuchia. Nhà nước và chính quyền địa phương cũng đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều chương trình và các chính sách đặc thù khác để hỗ trợ dân tộc Khmer (Trịnh Thị Lan, Trần Thị Hồng Yến, 2021). Trên cơ sở đó, đời sống của người Khmer ở Tây Nam Bộ dần được cải thiện so với trước đây. Tuy nhiên, tình trạng nghèo vẫn phổ biến ở người Khmer, là nguyên nhân dẫn đến phân hóa xã hội giữa các tộc người và gây bất ổn về chính trị - xã hội, đặc biệt là vùng phen dậu Tây Nam của Tổ quốc, nơi có mối liên hệ về tộc người, tôn giáo, văn hóa mạnh mẽ với Campuchia. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của Khmer vẫn còn cao? Trước đây, đã có một số nghiên cứu lý giải về vấn đề này (Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp, 2003; Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011; Trịnh Xuân Thắng, 2014). Dưới góc nhìn dân tộc học/nhân học, bài viết này sẽ tiếp tục nhận diện về nguyên nhân đói nghèo của dân tộc Khmer qua tư liệu điền dã tại tỉnh An Giang vào tháng 10 năm 2018.

1. Thực trạng nghèo đói của người Khmer

1.1. Đôi nét về đời sống kinh tế của người Khmer

Nhìn tổng thể, nông nghiệp là hoạt động kinh tế chính của người Khmer vùng ĐBSCL. Trải qua hàng trăm năm khai thác đồng bằng này, người Khmer đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc chọn lựa, lai tạo các giống lúa, làm thủy lợi (Vũ Đình Mười, 2017). Trước năm 1975, mỗi năm người Khmer làm một vụ lúa vào mùa mưa, từ tháng 4 đến tháng 11. Kỹ thuật canh tác lúa nước của người Khmer khá phát triển, dùng cày bừa do trâu bò kéo để làm đất, gieo sạ hoặc gieo mạ để cấy, với một hệ thống thủy lợi gồm các đập ngăn nước mặn, rửa nước phèn gọi là “thnôp”. Người Khmer có khoảng gần 200 giống lúa, thích hợp với các loại đất ngập mặn, đất phèn, đất cao, đất bung trũng; đặc biệt còn có giống lúa cho các vùng ngập nước gọi là “srê lon tuk” ở vùng tứ giác Long Xuyên. Kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới, người Khmer đã sử dụng các máy móc như máy cày, máy xới, máy bơm và thuốc trừ sâu, phân bón hoá học để canh tác. Năng suất lúa khá cao và chất lượng gạo tốt. Nhờ đó, vùng nông thôn Khmer ở Nam Bộ đã trở thành những vùng chuyên canh lúa, không chỉ đủ tiêu

dùng mà còn góp phần vào việc xuất khẩu gạo của ĐBSCL. Ngoài việc canh tác lúa, người Khmer còn trồng các loại hoa màu như đậu, rau cải, dưa hấu,... Trong đó, một số loại hoa màu đã trở thành nông sản hàng hóa như hành đỏ (thị xã Vĩnh Châu), dưa hấu (xã Phú Tâm, huyện Châu Thành) tỉnh Sóc Trăng... (Ngô Văn Lê, 2013b).

Nghề thủ công của người Khmer, nhất là ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia kém phát triển và ngày càng bị mai một, thậm chí mất đi do không cạnh tranh được với hàng hóa công nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Chẳng hạn, sản phẩm nghề gốm (nồi, vò đựng nước ...) ở huyện Tri Tôn (tỉnh An Giang) trước kia không chỉ để tiêu dùng ở trong nước mà còn bán sang Campuchia, nhưng vào năm 2013 chỉ còn một sóc duy trì nghề này (Ngô Văn Lê, 2013b, tr. 8). Tương tự, nghề dệt lụa nổi tiếng của người Khmer ở các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng cũng gần như không còn tồn tại (Trịnh Thị Tuyết Hằng, 2014). Nghề dệt thổ cẩm truyền thống ở huyện Tịnh Biên (An Giang) có nguy cơ bị mất đi; nghề dệt chiếu ở thị xã Vĩnh Châu (tỉnh Sóc Trăng), Bạc Liêu... đang được người dân cố gắng bảo tồn.

Nhìn chung, hoạt động kinh tế của người Khmer ở Nam Bộ vẫn trong tình trạng thuần nông, mang tính nhỏ lẻ. Các hoạt động thủ công, chăn nuôi phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào Khmer còn yếu kém, các hoạt động thương mại dịch vụ chủ yếu do người Hoa sống trong vùng người Khmer đảm nhiệm. Vùng nông thôn, nhất là vùng sâu vùng xa, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ nghèo đói còn khá cao so với người Kinh, người Hoa (Ngô Văn Lê, 2013b, tr. 8).

1.2. Thực trạng nghèo đói ở người Khmer

Theo nhận định của một số nhà khoa học, người Khmer là tộc người nghèo nhất so với các tộc người ở ĐBSCL, nhất là so với người Kinh và người Hoa. Cụ thể, trong nghiên cứu của Ngô Văn Lê, Võ Văn Sen và các cộng sự đã chỉ ra, tại các xã, huyện có đông người Khmer, tỷ lệ nghèo đói bao giờ cũng cao nhất. Chẳng hạn, Sóc Trăng là tỉnh có dân số người Khmer đông nhất vùng ĐBSCL, tỷ lệ nghèo đói lên tới 60-70% (Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiếp, 2003; Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011, tr. 19). Năm 2001, chỉ tính riêng trong cộng đồng người Khmer tại các huyện ở tỉnh Sóc Trăng, hộ nghèo chiếm tỷ lệ 42,92%, cao hơn so với 26,61% của người Kinh và 18,2% của người Hoa trong vùng. Ngược lại, tỷ lệ hộ khá giả trong cộng đồng người Khmer cũng thấp nhất (10,82% so với 19,77% của người Kinh và 30,76% của người Hoa cùng địa phương). Trong khi đó, tỷ lệ hộ thiếu ăn và đói ở người Khmer khá cao, còn tỷ lệ đủ ăn ngược lại quá thấp. Điển hình ở ấp Tung Thông (huyện Thạch Trị) có đến 92% người Khmer sinh sống, tỷ lệ hộ đủ ăn chưa tới 1% so với tổng số chung (Ngô Văn Lê, Chủ nhiệm, 2003).

Thực trạng trên cũng được Võ Văn Sen chỉ ra khi nghiên cứu về đời sống vật chất của người Khmer ở các huyện Mỹ Tú, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Long Phú, Thạch Trị (Sóc Trăng). Tại các địa phương này, tỷ lệ người Khmer nghèo rất cao, lên tới 60%-70%. Điển hình là huyện Vĩnh Châu có 44,10% hộ nghèo/52,09% dân số người Khmer và huyện Mỹ Tú có 36,38% hộ nghèo/36,95% dân số người Khmer (Võ Văn Sen, 2007). Người Khmer ít tích lũy vốn để làm vụ

mùa mà thường vay để đến khi thu hoạch xong sẽ trả cả vốn lẫn lời. Việc “ăn trước trả sau” kéo dài triền miên trong cuộc sống của những người Khmer. Nếu mất mùa, họ phải cầm cố ruộng đất để trả nợ rồi sau đó trở thành người đi làm thuê bởi họ cũng không có tài sản gì để cầm cố vay ngân hàng (Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011, tr. 19-20).

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Thị Nghĩa (2014) cũng chỉ ra, xét theo tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ (tiêu chí nghèo mới giai đoạn 2011 - 2015) thì tỷ lệ hộ nghèo chung và tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer chiếm khá lớn ở các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó các tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh là những tỉnh có tỷ lệ hộ dân tộc Khmer nghèo cao nhất so với các tỉnh khác trong vùng. Còn xét trong phạm vi từng tỉnh thì hộ dân tộc Khmer nghèo của hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng chiếm tỷ lệ lớn, tương ứng là 52,2% và 43,4% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Số liệu thống kê của UBND các huyện Trà Cú và Tiểu Cần (tỉnh Trà Vinh) và UBND thị xã Vĩnh Châu (tỉnh Sóc Trăng) năm 2012 cũng cho thấy, trong tổng số các hộ nghèo, cận nghèo thì số hộ là người Khmer luôn chiếm phần lớn ở các huyện, thị xã (Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Thị Nghĩa, 2014).

Tại tỉnh An Giang, số liệu năm 2018 cho thấy, dân tộc Khmer có 93.717 người, tập trung đông ở hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, trong đó có nhiều xã có trên 90% người dân tộc Khmer như: Châu Lăng, Núi Tô, An Tức, Ô Lâm, Lương Phi, Lê Trì, Ba Chúc, Cô Tô, thị trấn Tri Tôn (huyện Tri Tôn) và Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hảo, Tân Lợi (huyện Tịnh Biên) (UBND tỉnh An Giang, 2014, tr. 2). So với các kết quả nghiên cứu nêu trên, đời sống kinh tế của người Khmer ở đây hiện đã khá hơn trước kia rất nhiều. Họ sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia đình, buôn bán nhỏ qua biên giới Việt Nam - Campuchia và đi làm thuê theo mùa vụ. Bên cạnh đó, nghề thủ công truyền thống làm đường thốt nốt khá phát triển. Tuy nhiên, theo nhận định của tỉnh An Giang, trong những năm qua, kinh tế của tỉnh có bước phát triển, đời sống người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo tuy có giảm hàng năm nhưng tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số (DTTS) vẫn chiếm tỷ lệ cao so với tỷ lệ chung và luôn cao hơn so với dân tộc khác trong tỉnh. Bên cạnh những thuận lợi, địa phương cũng gặp không ít khó khăn do tính chất đặc thù của vùng biên giới và hậu quả tàn phá của chiến tranh biên giới Tây Nam. Bối cảnh đó ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống kinh tế của người Khmer¹.

Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào cuối năm 2017 theo chuẩn mới (nghèo đa chiều) cho thấy, toàn tỉnh An Giang có 26.565 hộ dân DTTS/tổng số 543.359 hộ toàn tỉnh, trong đó: tổng số hộ nghèo của cả tỉnh là 28.461 hộ (chiếm tỷ lệ 5,24%); hộ nghèo DTTS là 5.721 hộ (chiếm 21,48% tổng số hộ DTTS), riêng hộ nghèo Khmer có 4.937 hộ. Tổng số hộ cận nghèo DTTS của tỉnh là 2.013 hộ (chiếm 7,57% tổng số hộ DTTS), trong đó hộ cận nghèo Khmer là 637 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo DTTS tỉnh An Giang hằng năm giảm từ 3 đến 4%. Tuy nhiên, tỉnh An Giang vẫn còn 18 xã đặc biệt khó khăn/119 xã (chiếm tỷ lệ 15,12%)

¹ Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học và Ban Tôn giáo tỉnh An Giang, tháng 10/2018.

và 12 ấp đặc biệt khó khăn thuộc 10 xã, trong đó có 8 xã thuộc khu vực III và 10 xã biên giới² (UBND tỉnh An Giang, 2018, tr. 2).

Điều tra cụ thể ở xã An Cư, huyện Tịnh Biên cho thấy, đây là xã có phần lớn người Khmer sinh sống, với 2.521 hộ, 10.530 nhân khẩu (năm 2018). Người Khmer chiếm 76% dân số, còn lại là người Kinh. Xã có 637 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 25,05%) và được công nhận là xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định 116 của Thủ tướng Chính phủ. Do tỉ lệ nghèo cao nên khi huyện Tịnh Biên phát động phong trào các xã xây dựng nông thôn mới, xã An Cư không thể triển khai được³. Ở xã An Phú, huyện Tịnh Biên, người Khmer tập trung sinh sống tại Sóc Tà Ngáo (ấp Phú Tâm) với 193 hộ. Người Kinh trong ấp sống bằng nghề buôn bán, kinh doanh dịch vụ dọc các đường quốc lộ, còn người Khmer canh tác nông nghiệp, đi làm thuê, chăn nuôi bò và làm đường thốt nốt. Ấp có 58 hộ nghèo, trong đó 21 hộ là người Khmer.

2. Nguyên nhân nghèo đói của người Khmer

Thực trạng nghèo đói của dân tộc Khmer nêu trên không chỉ là nỗi trăn trở của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương mà cả các nhà khoa học. Nguyên nhân về nghèo đói của người Khmer được các nhà khoa học tìm hiểu và lý giải như sau:

Thứ nhất, đại đa số đồng bào Khmer sinh sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vốn là những địa bàn có xuất phát điểm thấp. Đây là nguyên nhân khách quan khiến cho đồng bào Khmer nghèo (Trịnh Xuân Thắng, 2014; Nguyễn Thị Ánh và Nguyễn Thị Nghĩa 2014, tr. 84).

Thứ hai, hoạt động kinh tế kém hiệu quả là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nghèo của người Khmer. Đồng bào Khmer trước đây cũng như hiện nay sống chủ yếu bằng nghề nông, trong đó trồng lúa nước là chính, chăn nuôi và trồng trọt hoa màu lúc nông nhàn là công việc làm thêm, nhưng chưa đầu tư khoa học kỹ thuật thỏa đáng để đạt trình độ sản xuất nông sản hàng hóa,... Trong khi đó, sản xuất nông, ngư nghiệp là ngành chịu nhiều rủi ro cả về thời tiết lẫn thị trường (Ngô Văn Lệ 2013a, Trịnh Xuân Thắng, 2014).

Thứ ba, trình độ dân trí của đồng bào Khmer còn thấp. Đa số đồng bào sản xuất nông nghiệp theo tập quán từ bao đời nay, nên việc học tập chưa được đồng bào chú trọng đúng mức. Hơn nữa, nghèo cũng là nguyên nhân khiến đồng bào ít có điều kiện đầu tư cho giáo dục (Nguyễn Văn Tiệp, Trần Thị Mỹ Xuân, 2011; Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011; Trịnh Xuân Thắng, 2014).

Thứ tư, một số phong tục, tập quán, lễ hội của đồng bào Khmer kéo dài gây hạn chế về thời gian hoạt động sản xuất, gây tốn kém nguồn tài chính của các hộ gia đình. Cụ thể, đồng bào Khmer có hệ thống lễ hội rất phong phú, đặc sắc, nhưng các lễ hội này kéo dài cũng làm cho hoạt động sản xuất gián đoạn. Hơn nữa, đồng bào Khmer thường có tâm lý thiên về đời

² Theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ Tướng chính phủ và Quyết 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc.

³ Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học và UBND xã An Cư, tháng 10/2018.

sống tinh thần hơn đời sống vật chất. Điều này bên cạnh mặt tích cực, lại có mặt tiêu cực, đó là coi đời sống thực như cõi tạm và luôn hướng về tương lai là cõi Niết Bàn, nên phần nào ảnh hưởng đến ý chí, nỗ lực vươn lên làm giàu (Trịnh Xuân Thắng, 2014).

Thứ năm, thiếu vốn sản xuất, thiếu đất canh tác, thiếu nước ngọt, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được đào tạo bài bản... là những nguyên nhân dẫn đến nghèo đói (Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011, tr. 19).

Thứ sáu, do tâm lý không lo xa. Người Khmer từ xa xưa được thiên nhiên ưu đãi sống trong những điều kiện đất đai phì nhiêu, trồng cây dễ dàng, thủy hải sản phong phú; trên đồng ruộng, dưới sông có sản vật dư dả, đảm bảo đời sống cho người dân đã tạo nên tâm lý không lo xa, ít đầu tư cho phát triển, trở thành nếp sống của họ. Do vậy, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nếp sống ấy không còn phù hợp, bị cạnh tranh và trở nên nghèo đói... (Ngô Văn Lệ, 2013a).

Trước tình trạng nghèo đói ở người Khmer, Nhà nước và chính quyền địa phương đã triển khai thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ. Nhưng đến nay, đã hơn 30 năm kể từ khi thực hiện Chỉ thị Số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư (Khóa VI) *Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, tỷ lệ nghèo ở người Khmer vẫn cao. Qua nghiên cứu trường hợp được thực hiện tại huyện Tịnh Biên, một địa bàn giáp ranh với Campuchia, bài viết đi sâu lý giải thêm về thực trạng và nguyên nhân của vấn đề này.

Trước hết, vùng đất người Khmer cư trú ở hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn thuộc tỉnh An Giang là địa bàn trực tiếp chịu ảnh hưởng rất nặng nề của cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam. Sau khi chiến tranh kết thúc, người dân ở đây cho biết, họ trở về nhà trong cảnh đổ nát, tan hoang, gia đình ly tán. Nhà cửa, chùa chiền, ruộng đồng gần như bị san phẳng. Trong điều kiện cuộc sống trước kia vốn đã khó khăn, một lần nữa họ phải gầy dựng lại kinh tế từ đầu. Hơn thế nữa, kinh tế chính của người Khmer là nông nghiệp lúa nước nhưng ở địa bàn huyện Tịnh Biên có đặc thù là địa hình đồi gò, đất đai đất cằn cỗi, luôn trong tình trạng thiếu nước nên năng suất lúa thấp. Trong khi các cánh đồng ở địa phương khác cho thu hoạch từ 18 đến 20 bao thóc/công, cánh đồng ở đây chỉ cho thu hoạch từ 8 đến 9 bao thóc/công⁴. Các hộ nghèo do đầu tư ít, thu hoạch chỉ được từ 5 đến 6 bao/công, có hộ chỉ 4 đến 5 bao/công. Năng suất lúa nêu trên là trong điều kiện thời tiết thuận lợi, còn những năm nắng hạn, thiếu nước, năng suất lúa còn thấp hơn nhiều. Bên cạnh đó, bình quân ruộng đất/hộ của người Khmer thấp, phần lớn các hộ có từ 2 - 3 công/hộ⁵, chỉ ít hộ có từ 5 - 7 công/hộ⁶. Nguyên nhân dẫn đến ruộng đất của người Khmer ít là do: (i) Xáo trộn ruộng đất do chiến tranh. Cụ thể, trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, Nhà nước ta có chủ trương di dời đồng bào dân tộc Khmer về tuyến sau (Trà Vinh, Sóc Trăng....), đưa người Kinh ra tuyến trước để

⁴ Theo cách tính của nông dân tại địa phương, 1 bao thóc khoảng 50-60 kg.

⁵ Theo cách tính của người Nam Bộ, 1 công đất khoảng gần 3 sào Bắc bộ, tương đương gần 1.000m².

⁶ Tọa đàm giữa đoàn công tác Viện Dân tộc học và đại diện lãnh đạo UBND huyện Tịnh Biên, đại diện lãnh đạo các xã An Cư, An Phú, tháng 10/2018.

giữ đất đai vùng biên giới. Khi chiến tranh kết thúc, người Khmer trở về quê cũ, đất đai bị xáo trộn, một số người không có đất sản xuất (UBND tỉnh An Giang, 2017); (ii) Nhiều hộ Khmer sau khi sơ tán trở về do khó khăn nên bán đất nông nghiệp cho người Kinh. Theo một số cán bộ địa phương, trước năm 2004, hiện tượng người Kinh mua đất của người Khmer diễn ra phổ biến dẫn đến người Khmer không có đất sản xuất; (iii) Số thành viên của mỗi hộ gia đình người Khmer thường rất đông, trung bình khoảng 6 người/hộ, dẫn đến bình quân ruộng đất/nhân khẩu thấp; (vi) Người Khmer có phong tục chia đất cho con cái khi trưởng thành. Việc chia tách hộ gia đình gắn với chia đất cho các con đã dẫn đến đất đai ngày càng bị xé lẻ, bình quân ruộng đất/nhân khẩu ít dần.

Trước thực trạng người Khmer thiếu đất sản xuất do bán đất, chính quyền tỉnh An Giang đã ra lệnh cấm việc mua bán (đặc biệt đối với những cán bộ người Kinh) và không làm thủ tục pháp lý công nhận việc chuyển nhượng đất. Mặc dù vậy, trên thực tế, việc chuyển nhượng đất vẫn âm thầm diễn ra dưới hình thức giấy viết tay. Hiện tượng tranh chấp đất đai giữa người Kinh và Khmer vẫn luôn xảy ra. Cụ thể, từ năm 2006 đến năm 2018 có hơn 700 đơn khiếu nại (Tri Tôn 249 đơn, Tịnh Biên 451 đơn) của người Khmer tranh chấp với người Kinh. Điển hình có 27 hộ dân tộc Khmer (xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn) tranh chấp đất sản xuất với các hộ đang trực canh. Kết quả qua vận động giải thích đã có 262/700 hộ rút đơn khiếu nại chuyển sang yêu cầu được hưởng các chính sách xã hội như cấp đất, cấp nhà, cho vay vốn (trong đó huyện Tịnh Biên là 238/451 hộ, huyện Tri Tôn - 113/249 hộ) và 03 hộ rút đơn khiếu nại, còn lại 435 đơn đến nay đã được xử lý.

Để ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc Khmer khu vực Bảy Núi, Chính phủ đã hỗ trợ hai huyện Tri Tôn, Tịnh Biên với tổng vốn đầu tư là 150 tỉ đồng, trong đó đầu tư cơ sở hạ tầng là 62 tỉ đồng; cấp đất, chuộc đất sản xuất, xây nhà tình thương và hỗ trợ các chính sách khác là 88 tỉ đồng. Tỉnh An Giang đã chỉ đạo các ngành và địa phương quan tâm ưu tiên giải quyết các chính sách xã hội cho những hộ Khmer nghèo gặp khó khăn. Năm 2007, tỉnh đã thu hồi 297.601 m² đất sản xuất nông nghiệp để tạo quỹ đất xét cấp cho các hộ Khmer thiếu đất, không đất sản xuất, cuộc sống còn khó khăn, tổng số tiền bồi thường đất thu hồi là 2.203 triệu đồng; hỗ trợ 14 tỷ đồng cho 02 huyện Tri Tôn, Tịnh Biên để triển khai hỗ trợ đột xuất chính sách xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất và đời sống vùng đồng bào Khmer. Chính vì vậy, tình hình khiếu kiện đồng người trong đồng bào Khmer đã được giải quyết ổn thỏa (UBND tỉnh An Giang, 2018, tr. 10-13).

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tỉnh An Giang đã đầu tư hệ thống thủy lợi với 8 trạm bơm điện vùng cao và 3 hệ thống thủy lợi sau các hồ chứa nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp ở hai huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên. Một số trạm bơm điện và hệ thống thủy lợi sau hồ đang tiếp tục được đầu tư. Tại xã An Phú, trạm bơm Bọng Đình Nghĩa đã phục vụ nước tưới cho hơn 1.400 ha lúa vùng cao của bà con Khmer trong huyện. Còn ở xã An Cư, chính quyền địa phương tiến hành nâng cấp hệ thống trạm bơm 3-2 và hệ thống kênh mương nội đồng cấp II với kinh phí gần 3,6 tỷ đồng. Công trình hoàn thành đã chủ động nguồn nước tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp trên diện tích hơn 4.300 ha thuộc địa bàn

vùng núi An Cư (huyện Tịnh Biên)⁷. Trên thực tế, những công trình thủy lợi vùng cao như trạm bơm điện, hồ chứa nước cùng hệ thống thủy lợi sau hồ đã giúp hàng ngàn hộ Khmer vùng Bảy Núi chủ động được nguồn nước sản xuất, nâng cao năng suất lúa.

Cùng với đầu tư cho thủy lợi vùng cao, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cũng được chính quyền chú trọng. Các xã đã khuyến khích nông dân chuyển đổi từ trồng lúa sang các loại cây trồng ít sử dụng nước nhưng hiệu quả kinh tế cao hơn như: rau màu, cây mè, các loại cây họ đậu, cây cao lương,... Tại xã An Cư, chính quyền vận động bà con chuyển sang trồng lạc và nuôi heo.

3. Kết quả đạt được từ những chính sách của Nhà nước

Những trình bày ở trên cho thấy, Nhà nước, chính quyền tỉnh An Giang và huyện Tịnh Biên đã nỗ lực cố gắng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở mảnh đất vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Do đó, đời sống của bà con được nâng lên đáng kể. Tuy nhiên, khi nhận xét về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, đại diện lãnh đạo xã An Cư cho rằng, kinh tế ở đây phát triển chậm, đời sống của người dân vẫn còn nghèo, mặc dù Nhà nước đầu tư rất nhiều các chính sách như Chương trình 134, 135, 167, đầu tư nhà ở, đất sản xuất, cho vay vốn không lãi suất để chăn nuôi,... Thậm chí với những hộ đã thoát nghèo, Nhà nước vẫn tiếp tục cho vay vốn với lãi suất thấp, thời hạn dài tới 15 năm nhưng người dân vẫn nghèo⁸.

Đánh giá về nguyên nhân của tình trạng trên, nhiều cán bộ địa phương cho rằng, Nhà nước đầu tư hệ thống kênh mương tưới tiêu nhưng hiệu quả chưa cao. Các chính sách về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cũng không thành công do một số yếu tố khách quan. Chẳng hạn, đối với người Kinh, việc chuyển sang chăn nuôi heo rất thuận lợi và tốt, nhưng ở người Khmer lại thất bại bởi tâm lý người Khmer thích nuôi bò hơn nuôi heo. Các dự án hỗ trợ chăn nuôi heo, gà thường bị thất bại do vật nuôi bị dịch bệnh chết. Dự án chăn nuôi bò cũng không thành công do bò thương phẩm rớt giá từ 25 - 30 triệu đồng/con xuống còn 10 triệu đồng/con (năm 2018). Gần đây, chính quyền địa phương vận động người dân chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng màu (đậu phộng) do trồng lúa thu nhập thấp. Bước đầu, cây đậu phộng cho năng suất cao, đem lại thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình, xã An Cư trở thành địa bàn trồng đậu phộng nhiều và mạnh nhất trong huyện. Tuy nhiên, đến nay đầu ra cho nông sản này lại gặp khó khăn. Doanh nghiệp đứng ra thu mua đậu phộng cho nông dân do điều kiện kinh doanh không thuận lợi nên đã dừng mua.

Tại xã An Phú, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020, Hội Nông dân xã An Phú đã tổ chức trao 42 con dê sinh sản cho 23 hộ nông dân là những hộ nghèo, cận nghèo của đồng bào người Khmer ở sóc Tà Ngáo và trên địa bàn xã. Phong trào nuôi dê ở xã An Phú những năm gần đây tập trung nhiều nhất tại sóc Tà Ngáo và

⁷ Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học và Mặt trận Tổ quốc xã An Cư, tháng 10/2018.

⁸ Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học và UBND xã An Cư, tháng 10/2018.

áp biên giới Phú Tâm. Tuy nhiên, với giống nội địa hay còn gọi dê cỏ, hiệu quả kinh tế cũng không cao (Thanh Loan, 2021).

Để giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương, trong đó có người Khmer, huyện Tịnh Biên đã xây dựng khu công nghiệp Tịnh Biên và đầu tư cơ sở hạ tầng tốt. Trên thực tế đã có một số doanh nghiệp đến để đầu tư nhưng do sản xuất, kinh doanh không hiệu quả nên những doanh nghiệp này đã rút lui. Hiện nay, chỉ còn Nhà máy điện Mặt trời Sao Mai đang hoạt động. Một cán bộ của huyện Tịnh Biên cho biết, các nhà đầu tư thích những địa bàn gần trung tâm thành phố như thị xã Long Xuyên, còn huyện Tịnh Biên xa trung tâm nên chi phí của doanh nghiệp rất tốn kém.

Về phát triển thương mại, dịch vụ, trước năm 2009, lãnh đạo tỉnh An Giang cùng nhiều ban ngành chức năng đã đến tỉnh Tây Ninh học hỏi kinh nghiệm xây dựng và khai thác Khu kinh tế cửa khẩu. Theo đó, Khu kinh tế cửa khẩu Tịnh Biên giáp Campuchia đã được đầu tư xây dựng. Trong đó, Khu thương mại Tịnh Biên nằm gần ranh giới với Campuchia, được xây dựng hạ tầng vào năm 2009 với kỳ vọng là đòn bẩy kinh tế cho huyện Tịnh Biên. Khi khu thương mại đi vào hoạt động, nhiều doanh nghiệp đã thuê đất để xây siêu thị, bán nhiều chủng loại hàng hóa, chủ yếu là hàng ngoại nhập và được hưởng ưu đãi về thuế quan. Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân bán hàng giả, hàng kém chất lượng, cách quản lý chưa hiệu quả, chặt chẽ, nên đến năm 2015 Khu thương mại Tịnh Biên chỉ còn 02 trong tổng số 63 doanh nghiệp hoạt động. Sau đó, hai doanh nghiệp này cũng ngừng hoạt động nên Khu thương mại Tịnh Biên cũng tự giải thể. Như vậy hàng chục tỷ đồng đã đầu tư nhưng địa phương chưa thu lại được vốn⁹. Từ những trình bày trên đây cho thấy, Nhà nước và chính quyền địa phương đã triển khai nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc Khmer nói chung, tuy nhiên trên thực tế một số dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ chưa thật hiệu quả. Mặc dù vậy, một số cán bộ địa phương đã khẳng định, nhờ có chính sách đầu tư của Nhà nước nên đời sống người dân ở đây tuy còn nghèo nhưng đã tốt hơn trước kia rất nhiều. Một cán bộ chia sẻ: “Không có Đảng, Nhà nước đầu tư thì người Khmer nghèo lắm, không bằng nửa hiện nay. Do vậy, kinh tế phát triển chậm nhưng vẫn tốt hơn trước”¹⁰.

4. Chiến lược ứng phó của người dân

Trước áp lực cuộc sống, trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp, thương mại và dịch vụ ở địa phương không mang lại hiệu quả cao, người Khmer đã rất năng động trong việc tìm kiếm các hoạt động mưu sinh. Hiện nay, việc đi lại, giao thương buôn bán giữa người dân hai nước dọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia được khôi phục, quan hệ giữa hai nước phát triển đi vào thực chất¹¹, nhiều hoạt động xuyên biên giới của người dân được tăng cường. Có thể

⁹ PVS cán bộ huyện Tịnh Biên, 2018.

¹⁰ PVS Chủ tịch Mặt trận xã An Cư và trưởng, phó ấp Chơn Cô, tháng 10/2018.

¹¹ Chẳng hạn như việc kết nghĩa giữa xã An Phú, huyện Tịnh Biên, An Giang, Việt Nam với xã Cầm Nốp (Kamnab), huyện Kiri Vông, tỉnh Tà Keo, Campuchia.

lấy ví dụ về người Khmer sóc Tà Ngáo (xã An Phú) khi họ tranh thủ cơ hội này để phát triển nghề buôn bán bò vốn đã có từ trước đây.

Chợ bò Tà Ngáo trước thời điểm dịch COVID-19 xảy ra hoạt động rất sôi nổi. Theo một số bậc cao niên người Khmer tại đây, trước kia do nhu cầu lấy sức kéo, việc chăn nuôi bò ở sóc Tà Ngáo và vùng Bảy Núi rất phát triển. Người Khmer thường sang Campuchia tìm mua bò về để bán nên dần dần đã hình thành một số thương lái nhỏ. Họ di chuyển giữa hai nước Việt Nam - Campuchia để mua bò về Việt Nam bán. Bò được mua chủ yếu ở huyện Kiri Vông (tỉnh Tà Keo, Campuchia), nơi này chỉ cách chợ bò Tà Ngáo khoảng vài km¹². Cùng với thời gian, nghề buôn bán bò ngày càng phát triển. Hơn 10 năm trở lại đây, do nhu cầu của thị trường, chợ bò Tà Ngáo đã được xây dựng với diện tích gần 4 ha tại sóc Tà Ngáo. Theo quan sát và điều tra của chúng tôi, tại chợ bò Tà Ngáo vào mỗi buổi sáng có khoảng 200 đến 300 con bò được các thương lái người Khmer Campuchia đưa từ Campuchia qua dòng kênh Vĩnh Tế sang Việt Nam để bán. Từ chợ Tà Ngáo, bò được chuyển đi tiêu thụ ở khắp các tỉnh thành Nam Bộ. Hoạt động buôn bán bò kéo theo sự ra đời của các dịch vụ đi kèm như: thuê người chăn dắt bò qua biên giới, cắt cỏ, cho thuê chuồng trại, vận chuyển bò đi các tỉnh... Đặc biệt, hai bên bờ kênh Vĩnh Tế phía Việt Nam và Campuchia đều hình thành những chuồng trại nuôi vỗ béo bò hoặc cho thuê chuồng trại bò với mục đích thương mại. Trên cơ sở đó, chợ đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động người Khmer. Những hộ gia đình làm nghề chăn nuôi bò có đời sống kinh tế khá hơn những hộ làm nông nghiệp, đời sống của người Khmer trong sóc được nâng cao hơn so với các sóc khác trong huyện.

Tuy nhiên, giới trẻ hiện nay không thích ở lại quê nhà làm nông nghiệp do thu nhập thấp, và họ muốn tìm kiếm cơ hội tốt hơn. Chính sách mở cửa và nền kinh tế thị trường cũng đã tạo điều kiện cho người Khmer đi buôn bán nhỏ ở bên Campuchia hoặc về Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... tìm việc làm. Khoảng 5 năm trở lại đây, nhiều lao động (trong đó có nhiều người Khmer) của các xã biên giới (huyện Tịnh Biên, Tri Tôn) đã và đang dịch chuyển về các tỉnh, thành phố lớn để làm lao động tự do, công nhân trong các doanh nghiệp, công ty tại các khu công nghiệp.

Bảng 1: Thực trạng di cư lao động của huyện Tịnh Biên

Số TT	Tên xã, thị trấn	Số lao động làm ăn trong tỉnh	Số lao động làm ăn ngoài tỉnh	Tổng số	Trong đó dân tộc Khmer
1	Tịnh Biên	10	361	371	102
2	Chi Lăng	9	293	302	96
3	Nhà Bàng	69	442	511	10

¹² Theo người Khmer ở địa phương, chợ bò Tà Ngáo (xã An Phú) chỉ cách huyện Kiri Vông (tỉnh Takeo) một cánh đồng.

4	Xã An Nông	5	288	293	8
5	Xã An Cư	0	752	752	657
6	Xã An Hảo	45	740	785	599
7	Xã An Phú	61	538	599	99
8	Xã Tân Lợi	13	378	391	269
9	Xã Tân Lập	29	221	250	1
10	Xã Văn Giáo	8	440	448	251
11	Xã Vĩnh Trung	40	1.052	1.092	599
12	Xã Nhơn Hưng	17	386	403	26
13	Xã Thới Sơn	29	271	300	2
14	Xã Núi Voi	40	462	502	46
Tổng cộng		375	6.624	6.999	2.765

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, Phòng Lao động - Thương binh xã hội (2018)

Bảng trên cho thấy, tổng số người Khmer đi làm trong và ngoài tỉnh là 2.765 người, nhưng phần lớn là đi lao động ngoại tỉnh. Trong đó, các xã có số lao động di cư là người Khmer rất cao như xã An Cư có 657 người Khmer/752 tổng số lao động đi làm ăn ngoài tỉnh; tương tự, con số đó ở An Hảo là 599/785, Vĩnh Trung 599/1092, Văn Giáo 251/448. Điều đặc biệt là những xã có ít người đi làm ăn xa như Tân Lập, An Nông, Thới Sơn, Nhà Bàng lại là những xã có rất ít người Khmer.

Ngoài ra, người Khmer cũng rất năng động giải quyết vấn đề thiếu đất canh tác. Để khắc phục tình trạng thiếu đất và làm nông nghiệp chưa hiệu quả, một số bà con đã sang vùng đất của Campuchia giáp với biên giới Việt Nam để làm ruộng. Hiện nay, chính quyền địa phương chưa có số liệu thống kê về vấn đề này, tuy nhiên một số nông dân Khmer sinh sống tại Sóc Tà Ngáo có ruộng bên Campuchia cho biết, có khoảng 300 hộ dân Khmer ở hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn sang Campuchia thuê đất trồng lúa. Họ thường xuyên di chuyển qua biên giới hai nước.

5. Kết luận, một số vấn đề đặt ra và gợi ý giải pháp

Như vậy, từ những dẫn liệu trên đây cho thấy, bên cạnh những nguyên nhân đã được các nhà nghiên cứu chỉ ra như điều kiện sống rất khắc nghiệt (đất canh tác chủ yếu là gò đồi, loại đất cát khô bạc màu, thiếu nước); ruộng đất bình quân đầu người ít..., người Khmer ở An Giang còn chịu hệ quả tàn phá nặng nề của chiến tranh biên giới Tây Nam. Hơn nữa, một nguyên nhân khác khiến người Khmer ở An Giang còn nghèo là do vị thế của họ ở vùng đất

này. Mặc dù hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn ở tỉnh An Giang được coi là địa bàn sinh sống tập trung của người Khmer nhưng vì nhiều lý do khác nhau, họ không thể cạnh tranh được với người Kinh. Những nơi có điều kiện sống và kinh doanh thuận lợi như mặt đường quốc lộ, trung tâm thương mại, chợ... trong đó chợ Tịnh Biên là nơi buôn bán sầm uất đều thuộc địa bàn sinh sống và hoạt động của người Kinh, không thích hợp với lối sống của người Khmer. Chợ Tịnh Biên, khu chợ có sức hút lớn đối với người mua và du khách bởi những mặt hàng xuất xứ từ Thái Lan được xem là đẹp và bền (chiếm tới 70% lượng hàng hóa của chợ), do chính người Khmer Campuchia cung cấp¹³. Chính vì vậy, từ nhiều năm nay, chợ Tịnh Biên là một mắt xích không thể thiếu trong hành trình của các đoàn du khách đến từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác thăm quan vùng Bảy Núi. Hàng năm, những thương nhân kinh doanh tại chợ thu được nguồn lợi lớn từ việc buôn bán. Tuy nhiên, những người hưởng lợi từ khu chợ này chủ yếu là người Kinh. Người Khmer do không có vốn và không quen buôn bán nên họ chỉ đến chợ để bán những nông sản do mình làm ra như đường thốt nốt, rau củ quả. Tương tự, chợ bò sóc Tà Ngáo có nguồn gốc từ nghề buôn bán bò của người Khmer, nhưng khi khu chợ lớn được hình thành và phát triển, chợ chỉ có khoảng 30% hộ người Khmer (60 hộ/tổng số 193 hộ) làm nghề buôn bán bò và tham gia các dịch vụ như cắt cỏ, cho thuê chuồng trại, còn lại là những chủ kinh doanh người Kinh.

Một nguyên nhân khác khiến cho cộng đồng người Khmer ở đây vẫn nghèo là do chính sách đầu tư của Nhà nước nhiều nhưng dàn trải, chồng chéo và chưa thật sự hiệu quả. Mặc dù chính quyền địa phương đã cố gắng nỗ lực nâng cao đời sống cho người dân nhưng vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, hàng loạt các dự án chuyển đổi cây trồng vật nuôi đều thất bại như dự án nuôi bò, nuôi heo, nuôi gà, trồng lạc. Các dự án thương mại, dịch vụ nhằm phát huy thế mạnh của vùng cửa khẩu Tịnh Biên như Khu công nghiệp, Khu thương mại - dịch vụ Tịnh Biên cũng thất bại do tổ chức, quản lý chưa hiệu quả. Trên thực tế, nếu các dự án này thành công sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế của huyện Tịnh Biên, đem lại công ăn việc làm cho người dân trong huyện nói chung và người Khmer nói riêng. Đáng tiếc rằng, các dự án nêu trên đã chưa thực sự thành công nên đời sống người Khmer ở đây vẫn rất khó khăn. Trong bối cảnh đó, người Khmer đã năng động, tích cực tìm kiếm kế mưu sinh. Những người lao động độ tuổi trung niên bằng các mối quan hệ thân tộc, dân tộc, tôn giáo đã sang Campuchia thuê đất để làm nông, trong khi đó giới trẻ di cư đến các khu công nghiệp trở thành công nhân thực thụ. Điều này cung cấp một góc nhìn mới về người Khmer hiện nay, đặt ra vấn đề xem xét lại một số nhận định về người Khmer trong các nghiên cứu trước đây như ý lại, thụ động, trông chờ vào Nhà nước...

Chính sách giảm nghèo của Nhà nước còn những hạn chế nhất định trong quá trình triển khai nên một bộ phận người Khmer vẫn nghèo và dẫn đến hệ lụy xã hội khác. Một mặt, không thể phủ nhận một số mặt tích cực do lao động di cư đem lại như nâng cao nguồn thu nhập gia đình, cải thiện cuộc sống, hình thành lối sống mới. Cụ thể, những lao động trẻ ở huyện Tịnh

¹³ Người Khmer Campuchia cung cấp hàng hóa xuất xứ từ Thái Lan cho chợ Tịnh Biên và mua rau, củ, quả mang về Campuchia.

Biên đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh do chăm chỉ làm ăn, và công ty có năng lực tài chính tốt nên được hưởng mức lương tương đối cao, ổn định (thu nhập khoảng từ 60 - 70 triệu đồng/năm sau khi trừ các sinh hoạt phí). Do đó, họ mua sắm đồ dùng gia đình (tivi, tủ lạnh, máy điều hòa...), xây mới nhà cửa. Nhờ đó, diện mạo thôn ấp khang trang hơn, mang dáng dấp của lối sống đô thị hơn. Tuy nhiên, mặt bất cập là chỉ có hơn một nửa số lao động di cư thành công, còn lại thu nhập bấp bênh do làm việc cho công ty không có năng lực tài chính.

Hầu hết số lao động di cư do điều kiện công việc, môi trường sống và chi phí sinh hoạt đắt đỏ nên phải gửi con cái cho nhà chùa hoặc cha mẹ già nuôi dưỡng. Chính vì vậy, trẻ em thiếu tình cảm và sự chăm sóc của cha mẹ, kém phát triển về tư duy, một số em đến tuổi đi học không được đến trường. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe tinh thần của trẻ.

Việc ngày càng có nhiều lao động trẻ rời xa quê hương cũng gây khó khăn nhất định cho chính quyền địa phương, nhất là thiếu hụt nhân lực để phát triển kinh tế - xã hội. Theo cán bộ các xã An Cư, An Phú cho biết, vấn đề việc làm rất quan trọng đối với đồng bào người Khmer vùng biên giới hiện nay bởi đất sản xuất ở đây rất ít và xấu, khiến người dân phải di cư sang Campuchia để thuê đất hoặc đi các tỉnh xa tìm việc làm. Ở lại quê hương chỉ có người già và trẻ em. Chỉ khi đến lễ, tết của người Khmer, những người trẻ tuổi mới trở về nhà. Do đó, xã có chủ trương phát triển kinh tế cũng không có nguồn nhân lực thực hiện. Hơn nữa, đảm bảo việc làm cho đồng bào Khmer ở địa phương cũng chính là giữ vững an ninh biên giới cho Tổ quốc. Vấn đề đất đai giữa người Kinh và người Khmer còn tiềm ẩn phức tạp do sự kích động của các thế lực phản động nước ngoài từ bên kia biên giới. Mặt khác, quan hệ đất đai trong nội bộ dân tộc Khmer hiện nay cũng khá phức tạp. Nhiều người Khmer ở Việt Nam có mối quan hệ huyết thống với người Khmer ở Campuchia nên việc sở hữu, thừa kế đất đai, thuê đất làm nông nghiệp... xuyên biên giới đã khiến cho công tác quản lý nhà nước gặp khó khăn. Ngoài ra, thực trạng không có việc làm cũng dẫn đến hiện tượng “chảy máu chất xám” ở một bộ phận giới trẻ người Khmer huyện Tịnh Biên. Do có mối quan hệ họ hàng bên Campuchia nên một số sinh viên Khmer ở đây sau khi tốt nghiệp đại học các ngành thủy sản, nông nghiệp đã sang bên đó làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp. Hiện tượng này rất đáng quan tâm trong bối cảnh huyện Tịnh Biên cần sự đóng góp của giới trí thức trẻ người Khmer nhưng chưa thể tạo điều kiện đáp ứng việc làm cho họ.

Trên cơ sở những vấn đề đặt ra đối với địa phương và qua quá trình nghiên cứu tại thực địa, bài viết đưa ra một số gợi ý đề xuất nhằm phát triển kinh tế của vùng biên giới Tây Nam Bộ của Việt Nam như sau:

- Do đất nông nghiệp bình quân đầu người ít, thời tiết khó lường nên thu nhập từ nông nghiệp của người dân không hiệu quả, vì vậy, việc chuyển đổi một bộ phận đất nông nghiệp sang xây dựng các nhà máy, xí nghiệp tại đây là cần thiết. Ý kiến này cũng nhận được sự đồng tình từ giới trẻ người Khmer. Họ cho rằng, vấn đề việc làm có tầm quan trọng đặc biệt đối với thanh niên tại địa phương. Một số thanh niên khẳng định, nếu làm việc trong nhà máy

ở huyện Tịnh Biên với mức lương chỉ khoảng 5-6 triệu đồng/tháng, họ sẽ chọn ở lại quê hương thay vì đi làm tại Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh với mức lương khoảng 8-9 triệu đồng/tháng nhưng phải chi phí rất nhiều cho việc ăn ở, đi lại.

- Việc xây dựng các khu công nghiệp, nhà máy ở huyện Tịnh Biên nên do Trung ương đầu tư để kêu gọi được nhiều các doanh nghiệp đến kinh doanh. Ở giai đoạn đầu, có thể Nhà nước phải chịu lỗ để bà con có công ăn việc làm, sau đó dần nâng cao hiệu quả sản xuất và thu hồi vốn.

- Sản phẩm của các doanh nghiệp có thể tiêu thụ được không chỉ ở Việt Nam mà hướng đến xuất khẩu sang Campuchia. Trên thực tế, huyện Tịnh Biên đã tổ chức hội chợ tại khu công nghiệp rất thành công khi khách mua hàng là người Việt Nam và nhiều người Campuchia.

- Có thể phát huy thế mạnh tuyến đường thủy kênh Vĩnh Tế để làm phương tiện đi lại hoặc vận chuyển hàng hóa thay vì chỉ sử dụng đường bộ để tiết kiệm chi phí cho sản xuất.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Thị Nghĩa (2014), “Thực trạng, giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào Khơ-me ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật: 30, tr. 84-91.
2. Trịnh Thị Tuyết Hằng (2014), *Hoa văn trên vải của người Khmer và việc bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể*, trên trang <http://www.baotangphunu.com/index> (Truy cập ngày 5/11/2021).
3. Trịnh Thị Lan, Trần Thị Hồng Yến (2021), “Vai trò của chính quyền địa phương đối với đời sống của người Khmer ở vùng biên giới Tây Nam Bộ (Nghiên cứu tại tỉnh An Giang)”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr. 17-27.
4. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp (2003), *Thực trạng kinh tế xã hội và những giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở người Khơ-me tỉnh Sóc Trăng*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ngô Văn Lệ (Chủ nhiệm, 2003), *Vấn đề người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ.
6. Ngô Văn Lệ (2013a), *Những đặc điểm lịch sử, kinh tế, văn hóa ảnh hưởng đến sự phát triển và phát triển bền vững của các dân tộc thiểu số (Trường hợp người Khmer và người Chăm)*, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu chiến lược và chính sách quốc gia, trên trang <http://css.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=c10f19ff-61e8-4a4c-aa20-36b1da860ad8> (Truy cập ngày 15/09/2019).
7. Ngô Văn Lệ (2013b), “Quá trình hình thành cộng đồng dân cư, tổ chức và quản lý xã hội Nam Bộ: những thuận lợi và thách thức trong quá trình hội nhập ở Nam Bộ”, *Tạp chí Phát triển Khoa học công nghệ*, Tập 16, Số X2-2013.

8. Thanh Loan (2021), *Tạo sinh kế cho đồng bào Khmer ở Tịnh Biên: Nghề chăn nuôi giúp giảm nghèo*, trên trang <https://vnbusiness.vn/business-cooperative/tao-sinh-ke-cho-dong-bao-khmer-o-tinh-bien-bai-1-nghe-chan-nuoi-giup-giam-ngheo-1079239.html> (Truy cập ngày 25/3/2022).
9. Vũ Đình Mười (2017), “Dân tộc Kơ-me”, trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 23-124.
10. Võ Văn Sen (2007), *Những vấn đề cấp bách của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình đi lên hiện đại hóa-công nghiệp hóa*, Tài liệu khảo sát ở cộng đồng người Khmer ở ba tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng và An Giang.
11. Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến (2011), “Những vấn đề cấp bách đặt ra trong quá trình đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa”, *Tạp chí Phát triển Khoa học công nghệ*, Tập 14, Số X1-2011.
12. Trịnh Xuân Thắng (2014), “Giảm nghèo cho đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay, thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Dân tộc*, trên trang <http://tapchidantoc.ubdt.gov.vn/2015-05-08/085f9780484b775fb886ff7878294ab3-cema.htm> (Truy cập ngày 11/10/2022).
13. Nguyễn Văn Tiệp, Trần Thị Mỹ Xuân (2011), *Thực trạng và nguyên nhân đói nghèo của nông dân Khmer: Trường hợp các xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*, tham luận tại Hội thảo khoa học: “Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập”, Thành phố Hồ Chí Minh”.
14. Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, Phòng Lao động - Thương binh xã hội (2018), *Báo cáo Tổng hợp lao động và làm việc trong và ngoài tỉnh của các xã, thị trấn đến tháng 10 năm 2018*.
15. UBND tỉnh An Giang (2014), Số: 151 /BC-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2014, *Báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đến năm 2013*.
16. UBND tỉnh An Giang, Ban Dân tộc (2017), Số: 21/BC-BDT ngày 19 tháng 5 năm 2017, *Báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*.
17. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2018), Số 481/BC-UBND, *Báo cáo rà soát các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc Khmer, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*.